

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1647/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền;
2. Bà Lương Thị Kim Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 541/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2025/QĐXXST-DS ngày 06/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 356/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: 26xx N, phường X, Thành phố H (địa chỉ cũ: 26xx N, phường V, Quận x, Thành phố H); Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 19xx; CCCD số 08009300xxx (Giấy ủy quyền số 2481/2024/UQ-TGD, ngày 22/4/2024 – ông Nguyễn Thành N có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** ông Lê Duy N, sinh năm 19xx; CMND số 187002xxx cấp ngày 12/5/2014 tại NA; Thường trú: xóm x, phường T, tỉnh NA (địa chỉ cũ: xóm x, xã Q, thị xã H, tỉnh NA); Tạm trú: 211/xx G, phường B, Thành phố H (địa chỉ cũ: 211/xx G, phường B, quận B1, Thành phố H – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 07/9/2020 ông Lê Duy N đã ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng – các tài liệu này sau đây gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 13.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê Duy N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.376.000 đồng và thanh toán đến ngày 22/11/2021 được tổng số tiền là 5.829.031 đồng.

Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 22/12/2021 ông Lê Duy N không thanh toán cho Ngân hàng nên đến ngày 23/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 15.605.159 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu:

- Ông Lê Duy N trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2025 là 39.158.366 đồng, gồm: nợ gốc 15.605.159 đồng; lãi quá hạn: 23.553.207 đồng.

- Ông Lê Duy N phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày 26/9/2025 đến ngày trả hết nợ.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là ông Lê Duy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân Khu

vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tổng đạt hợp lệ cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: ông Lê Duy N đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Duy N là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã ký vào ngày 07/9/2020.

[1. 2] Địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng với Ngân hàng TMCP S là: thường trú: xóm x, xã Q, thị xã H, tỉnh NA (nay là xóm x, phường T, tỉnh NA); Cư trú: 211/xx G, phường B, quận B1, Thành phố H (nay là 211/xx G, phường B, Thành phố H). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bị đơn, kết quả: đương sự Lê Duy N không đăng ký hộ khẩu hoặc thực tế cư trú tại địa phương. Như vậy, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự

năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, địa chỉ 211/xx G, phường B, quận B1, Thành phố H (nay là 211/xx G, phường B, Thành phố H) được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó Toà án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2. 1] Do cá nhân ông Lê Duy N giao dịch với Ngân hàng, Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu ông Lê Duy N trả tiền. Ông Lê Duy N cũng không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông Lê Duy N (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét trách nhiệm liên đới giữa ông Lê Duy N và vợ ông Lê Duy N (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng do không có đương sự nào yêu cầu.

[2. 2] Ông Nguyễn Thành N (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt; ông Lê Duy N là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2. 3] Bị đơn là ông Lê Duy N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/9/2020, ông Lê Duy N đã ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Về chủ thể, Ngân hàng TMCP S có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ông Lê Duy N có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã

hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Căn cứ bản tóm tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ, nhận thấy, sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Lê Duy N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.376.000 đồng và thanh toán đến ngày 22/11/2021 được tổng số tiền là 5.829.031 đồng, từ kỳ thanh toán ngày 22/12/2021 ông Lê Duy N không thanh toán cho Ngân hàng nên đến ngày 23/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 15.605.159 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Như vậy, ông Lê Duy N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được hai bên thỏa thuận, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Duy N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 15.605.159 đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2020, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Lê Duy N thanh toán khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 23/7/2022 đến ngày 25/9/2025 là 23.553.207 đồng là có căn cứ.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5. 1] Ngân hàng TMCP S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5. 2] Ông Lê Duy N phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3

Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Duy N liên quan đến Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 07/9/2020.

1. 1. Ông Lê Duy N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là: 39.158.366 (ba mươi chín triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi sáu) đồng, gồm: nợ gốc 15.605.159 (mười lăm triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, một trăm năm mươi chín) đồng; lãi quá hạn: 23.553.207 (hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm lẻ bảy) đồng.

1. 2. Ông Lê Duy N còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 07/9/2020 kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 709.649 (bảy trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai số 0077447 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. 2. Ông Lê Duy N phải nộp 1.957.918 (một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm mười tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9;
- THADS TP,HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Hồng Liên**